

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/DS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tòng

2. Ông Lê Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp: “hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH M (Công ty M)

Trụ sở chính: Tầng E Khố E, Tòa nhà C, số B C, Phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Tầng C, số C đường N, phường A. Quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Huyền T** - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Thành Đ** - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 04/2024/UQ-GLX.VPS ngày 11/01/2024) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn An K**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

2.2. Bà **Nguyễn Ngọc T1**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: tổ A, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP V có ký kết các hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: LN2011022964736 ký ngày 20/11/2020 với nội dung: Ngân hàng TMCP V cho ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 vay số tiền 600.000.000 đồng, mục đích vay là mua sắm máy móc phục vụ kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát, thời gian vay là 120 tháng, thỏa thuận trả tiền gốc và tiền lãi theo định kỳ một tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả tiền nợ gốc và tiền lãi đầu tiên vào ngày 15/12/2020, mỗi kỳ trả số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả dứt nợ vay. Tiền lãi được tính như sau: trong khoảng thời gian 12 tháng tính từ ngày giải ngân 26/11/2020 lãi suất cho vay trong hạn là 10,49%/năm, sau thời gian này lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và ngày 10/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/11/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở do Ngân hàng công bố tương ứng với từng thời điểm cộng với biên độ 4%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn). Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 với số tiền là 600.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

- Hợp đồng tín dụng số: LN2110084456049 ngày 16/11/2021 với nội dung: Ngân hàng TMCP V cho ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 vay số tiền 1.800.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh điện máy. Thời gian vay là 12 tháng tính từ ngày giải ngân ngày 16/11/2021 đến ngày 16/11/2022. Tiền lãi được tính như sau: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân ngày 16/11/2021 là 08%/năm (được cố định trong thời gian 03 tháng kể từ ngày giải ngân). Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ một tháng một lần tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V1 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng công bố tương ứng với từng thời điểm cộng với biên độ 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn). Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 với số tiền là 1.800.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

- Hợp đồng tín dụng số: CN/VN0010228/202011/20 ngày 23/11/2020 với nội dung: Ngân hàng TMCP V cho ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 vay số tiền 300.000.000

đồng, mục đích vay là để tiêu dùng, lãi suất cho vay là 20%/năm, thời gian vay là 60 tháng tính từ ngày giải ngân là ngày 30/11/2020 đến ngày 30/11/2025. Loại hình cho vay là vay tín chấp, phương thức trả nợ và trả tiền lãi là trả hàng tháng. Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 với số tiền là 300.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 và Ngân hàng TMCP V đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN2010272946769/VLG/HĐTC ngày 20/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 20/11/2020. Với tài sản bảo đảm cho khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 114802, số vào sổ cấp GCN CH05719 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 20/11/2014, tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 19, diện tích 570,5m² đất tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN2010272946769/VLG/HĐTC ngày 20/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 20/11/2020 đã được công chứng. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: LN2011022964736 ký ngày 20/11/2020 vay số tiền 600.000.000 đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 15/11/2022, kể từ ngày 15/11/2022 chuyển sang nợ quá hạn.

- Hợp đồng tín dụng số: LN2110084456049 ký ngày 16/11/2021 vay số tiền 1.800.000.000 đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 15/11/2022, kể từ ngày 15/11/2022 chuyển sang nợ quá hạn.

- Hợp đồng tín dụng số: CN/VN0010228/202011/20 ký ngày 23/11/2020 vay số tiền 300.000.000 đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 15/12/2022, kể từ ngày 15/12/2022 chuyển sang nợ quá hạn.

Từ khi vay cho đến nay ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 đã trả tiền vay và tiền lãi cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: LN2011022964736 ngày 20/11/2020 vay số tiền 600.000.000 đồng, ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 trả được số tiền nợ gốc là 115.188.244 đồng và tiền lãi là 104.818.966 đồng. Tính đến ngày 28/8/2024 còn nợ số tiền nợ gốc là 484.811.756 đồng và tiền lãi là 216.509.256 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là 701.321.012 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LN2110084456049 ký ngày 16/11/2021 vay số tiền 1.800.000.000 đồng, ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 trả được số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 171.832.877 đồng. Tính đến ngày 28/8/2024 còn nợ số tiền nợ gốc là 1.600.000.000 đồng và tiền lãi 625.342.123 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là 2.225.342.123 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010228/202011/20 ký ngày 23/11/2020 vay số tiền 300.000.000 đồng, ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 trả được số tiền nợ gốc là 88.406.769 đồng và tiền lãi là 99.737.048 đồng. Tính đến ngày 28/8/2024 còn nợ số tiền nợ

gốc là 211.593.231 đồng và tiền lãi 117.352.340 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 328.945.571 đồng.

Ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 thanh toán theo hợp đồng đến ngày 15/11/2022 thì không thể tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 trả nợ nhưng ông K, bà T1 vẫn không trả dứt nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ ông K, bà T1 để yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi nhưng ông K, bà T1 vẫn không thực hiện thanh toán nợ đúng hạn.

Xét thấy bên vay không còn khả năng thanh toán nợ, do đó Ngân hàng TMCP V đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với Hợp đồng tín dụng trên, đồng thời tiến hành khởi kiện ông K, bà T1 ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ vay.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 3-30/6/2023/GLX-VPB ngày 30/6/2023 Ngân hàng TMCP V (V1) với Công ty TNHH M (Công ty M) thì V1 đồng ý bán và Công ty M đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1. Giá trị của các khoản nợ được mua bán bao gồm toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh. Kể từ thời điểm bán nợ, Công ty M đã kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Người khởi kiện trong vụ kiện nói trên.

Tính đến ngày 28/8/2024, dư nợ của ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 tại Công ty M theo các hợp đồng tín dụng trên như sau: Tổng dư nợ: 3.255.608.706 đồng. Trong đó, nợ gốc: 2.296.404.987 đồng, nợ lãi: 959.203.719 đồng (tiền lãi trong hạn 607.822.643 đồng, tiền lãi quá hạn 351.381.076 đồng).

Nguyên đơn Công ty M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xem xét giải quyết:

Buộc ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 có trách nhiệm thanh toán ngay cho Công ty M tổng số tiền nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng với tổng nợ là 3.255.608.706 đồng. Trong đó, nợ gốc: 2.296.404.987 đồng, nợ lãi: 959.203.719 đồng (tiền lãi trong hạn 607.822.643 đồng, tiền lãi quá hạn 351.381.076 đồng) tính đến hết ngày 28/8/2024.

Ngoài ra, ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 phải thanh toán cho Công ty M số tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 29/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp, ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, thì Công ty M có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 114802, số vào sổ cấp GCN CH05719 do UBND huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 20/11/2014 tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 19, diện tích 570,5m² tọa lạc ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay. Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào của ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho Công ty M theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2010272946769/VLG/HĐTC ngày 20/11/2020.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Công ty M. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết các khoản nợ thì ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ còn lại cho Công ty M.

Ngoài ra, nguyên đơn Công ty TNHH M không còn yêu cầu nào khác.

** Tại biên bản hòa giải ngày 14/5/2024, bị đơn ông Nguyễn An K trình bày:* Ngân hàng TMCP V có ký kết các hợp đồng tín dụng với ông và vợ ông là Nguyễn Ngọc T1, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LN2011022964736 ký ngày 20/11/2020 với nội dung: Ngân hàng TMCP V cho vợ chồng ông vay số tiền 600.000.000 đồng, mục đích vay là mua sắm máy móc phục vụ kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát. Thời gian vay là 120 tháng tính từ ngày bắt đầu giải ngân là 26/11/2020 đến ngày 26/11/2030, lãi suất vay 10,49%/năm (lãi suất cho vay trong hạn). Ngày trả tiền gốc và tiền lãi theo định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả tiền nợ gốc và tiền lãi đầu tiên vào ngày 15/12/2020, mỗi kỳ trả số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho ông với số tiền là 600.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LN2110084456049 ký ngày 16/11/2021 với nội dung: Ngân hàng TMCP V cho vợ chồng ông vay số tiền 1.800.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh điện máy. Thời gian vay là 12 tháng tính từ ngày giải ngân ngày 16/11/2021 đến ngày 16/11/2022, lãi suất 8%/năm, tiền lãi trả theo định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả tiền lãi đầu tiên vào ngày 15/12/2021. Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho ông số tiền là 1.800.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010228/202011/20 ký ngày 23/11/2020 với nội dung: Ngân hàng TMCP V cho vợ chồng ông vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng, lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, thời gian vay là 60 tháng tính từ ngày giải ngân là ngày 30/11/2020 đến ngày 30/11/2025. Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho ông số tiền là 300.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, vợ chồng ông có cùng với Ngân hàng TMCP V ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2010272946769/VLG/HĐTC ngày 20/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 20/11/2020. Với tài sản bảo đảm cho khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 114802, sổ vào sổ cấp GCN CHO5719 do UBND huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 20/11/2014 tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 19, diện tích 570,5m² tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2010272946769/VLG/HĐTC ngày 20/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 20/11/2020 đã được công chứng. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Hiện nay do làm ăn khó khăn nên ông chưa có khả năng thanh toán tiền cho Công ty TNHH M. Đối với số tiền Công ty TNHH M yêu cầu ông và vợ ông là Nguyễn Ngọc T1 cùng có nghĩa vụ trả thì ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông yêu cầu nguyên đơn tính lại tiền lãi chi tiết theo từng tháng và số tiền ông đã trả cho phía ngân hàng cụ thể bao nhiêu. Ông xin thời gian trả nợ

đến cuối năm 2024 ông sẽ thanh toán hết các khoản nợ đã vay và tiền lãi phát sinh cho Công ty TNHH M.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 6 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Ngọc T1 trình bày:* Bà là vợ ông Nguyễn An K. Bà thống nhất lời trình bày của chồng bà. Bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý trả nợ gốc: 2.296.404.987 đồng, về lãi yêu cầu nguyên đơn tính lại, vợ chồng bà xin trả dần đến hết năm 2024. Nguyên đơn không đồng ý cho trả dần mà yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì bà không đồng ý, vì hiện nay vợ chồng bà vẫn có khả năng trả nợ cho phía nguyên đơn. Khi nào vợ chồng bà không có khả năng trả nợ cho phía nguyên đơn thì bà đồng ý phát mãi tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp là tài sản chung của vợ chồng bà, hiện nay do vợ chồng bà đứng tên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty M tổng số tiền nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 30/9/2024, với tổng nợ là 3.297.606.929 đồng. Trong đó, nợ gốc: 2.296.404.987 đồng, nợ lãi: 1.001.201.942 đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 phải thanh toán cho Công ty M số tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp, ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, thì Công ty M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 114802, số vào sổ cấp GCN CH05719 do UBND huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 20/11/2014 tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 19, diện tích 570,5m² tọa lạc ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227 BLTTDS; các Điều 117, 365, 398, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 26 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M: Buộc ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty M số tiền vốn vay và lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN2011022964736 ngày 20/11/2020, CN/VN0019228/202011/20 ngày 23/11/2020, LN2110084456049 ngày 16/11/2021; với số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 3.297.606.929 đồng (trong đó, nợ gốc: 2.296.404.987 đồng, nợ lãi: 1.001.201.942 đồng). Trường hợp ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liên với đất số BV 114802, sổ vào sổ cấp GCN CH05719 do UBND huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 20/11/2014 tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 19, diện tích: 570,5m² tọa lạc ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 600.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp xong. Buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm 97.952.139 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 49.707.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013357 ngày 04/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số LN2011022964736 ngày 20/11/2020, Hợp đồng tín dụng số LN2110084456049 ngày 16/11/2021 và Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010228/202011/20 ngày 23/11/2020; bị đơn có nơi cư trú ở huyện B; mục đích vay tiền để tiêu dùng, các bên không có thỏa thuận khác về cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

Xét thấy: ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 có ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V như sau:

Hợp đồng tín dụng số LN2011022964736 ngày 20/11/2020, số tiền vay 600.000.000 đồng, mục đích vay là mua sắm máy móc phục vụ kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát, thời hạn vay là 120 tháng tính từ ngày bắt đầu giải ngân là 26/11/2020 đến ngày 26/11/2030, lãi suất vay trong hạn 10,49%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Hợp đồng tín dụng số LN2110084456049 ngày 16/11/2021 số tiền vay 1.800.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh điện máy, thời gian vay là 12 tháng tính từ ngày giải ngân 16/11/2021 đến ngày 16/11/2022, lãi suất 8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng

với thời gian chậm trả.

Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010228/202011/20 ngày 23/11/2020, số tiền vay 300.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, thời gian vay là 60 tháng tính từ ngày 30/11/2020 đến ngày 30/11/2025.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Ngọc T1 và Ngân hàng TMCP V đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN2010272946769/VLG/HĐTC ngày 20/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 20/11/2020. Với tài sản bảo đảm cho khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 114802, sổ vào sổ cấp GCN CH05719 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 20/11/2014 thửa đất số 48, tờ bản đồ số 19, diện tích 570,5m² đất tọa lạc ấp T, xã T (nay là khóm T, thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Xét thấy các hợp đồng nêu trên được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1. Sự việc được bị đơn thừa nhận nên đây được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện các hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số LN2011022964736: ông K và bà T1 đã trả được số tiền nợ gốc là 115.188.244 đồng và tiền lãi là 104.818.966 đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 15/11/2022, tính đến ngày 30/9/2024 ông K và bà T1 còn nợ số tiền gốc là 484.811.756 đồng và tiền lãi 224.308.665 đồng, tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là 709.120.421 đồng; Hợp đồng tín dụng số LN2110084456049: ông K và bà T1 đã trả được số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 171.832.877 đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 15/11/2022, tính đến ngày 30/9/2024 còn nợ số tiền gốc là 1.600.000.000 đồng và tiền lãi 653.722.123 đồng, tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là 2.253.722.123 đồng; Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010228/202011/20: ông K và bà T1 đã trả được số tiền nợ gốc là 88.406.769 đồng và tiền lãi là 99.737.048 đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 15/12/2022, tính đến ngày 30/9/2024 còn nợ số tiền gốc là 211.593.231 đồng và tiền lãi là 123.171.154 đồng, tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là 334.764.385 đồng. Tổng cộng (03 hợp đồng) số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2024 là 3.297.606.929 đồng (trong đó, nợ gốc: 2.296.404.987 đồng, nợ lãi: 1.001.201.942 đồng).

Ngày 30/6/2023 khoản nợ của ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 được Ngân hàng TMCP V bán cho Công ty TNHH M bao gồm toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo các hợp đồng tín dụng tại Hợp đồng mua bán nợ số: 3-30/6/2023/GLX-VPB ngày 30/6/2023 và Phụ lục hợp đồng mua bán nợ ngày 29/02/2024.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 4 Điều 74 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 13, khoản 1 và khoản 2 Điều 14, điểm b khoản 1 Điều 16 của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài và khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 12/2022 của Thống đốc Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về

hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài thì Công ty TNHH M mua bán nợ Galaxy kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Ngân hàng TMCP V. Do đó, Công ty TNHH M có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ đã mua lại từ Ngân hàng TMCP V cũng như kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP V đối với khoản nợ đã mua.

Do ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 không trả tiền vốn và lãi theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Ngân hàng TMCP V đã chuyển khoản nợ trên thành khoản nợ quá hạn. Vì vậy, buộc ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH M tổng số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 30/9/2024, với tổng nợ là 3.297.606.929 đồng (trong đó, nợ gốc: 2.296.404.987 đồng, nợ lãi: 1.001.201.942 đồng) là có căn cứ. Ngoài ra, ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 phải thanh toán cho Công ty TNHH M mua bán nợ G số tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2010272946769/VLG/HĐTC ngày 20/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 20/11/2020 là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 114802, số vào sổ cấp GCN CH05719 do UBND huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 20/11/2014 thửa đất số 48, tờ bản đồ số 19, diện tích 570,5m², đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm T, thị trấn T (ấp T, xã T cũ), huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 đứng tên (chính lý mặt 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/9/2015).

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 600.000 đồng. Do Công ty TNHH M mua bán nợ G đã nộp xong số tiền 600.000 đồng, nên buộc ông K và bà T1 có nghĩa vụ hoàn trả Công ty TNHH M mua bán nợ Galaxy số tiền 600.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 phải nộp 97.952.000 đồng. Công ty TNHH M không phải chịu án phí.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 292, 299, 317, 318, 319, 357, 365, 398, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 90, 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13, khoản 1 và khoản 2 Điều 14, điểm b khoản 1 Điều 16 của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng N1; khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN 26/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 74, khoản 2 Điều 92, Điều 147, 157, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M do ông Nguyễn Thành Đ đại diện.

Buộc ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền vốn vay và lãi còn nợ (theo các Hợp đồng tín dụng số LN2011022964736 ngày 20/11/2020, CN/VN0010228/202011/20 ngày 23/11/2020, LN2110084456049 ngày 16/11/2021), tính đến ngày 30/9/2024 là 3.297.606.929 đồng (*Ba tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn chín trăm chín mươi hai đồng*) (trong đó, nợ gốc là 2.296.404.987 đồng, nợ lãi là 1.001.201.942 đồng).

Buộc ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 phải thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền lãi phát sinh (theo các Hợp đồng tín dụng số LN2011022964736 ngày 20/11/2020, CN/VN0010228/202011/20 ngày 23/11/2020, LN2110084456049 ngày 16/11/2021) từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2010272946769/VLG/HĐTC ngày 20/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 20/11/2020 là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 114802, số vào sổ cấp GCN CH05719 do UBND huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 20/11/2014 thửa đất số 48, tờ bản đồ số 19, diện tích 570,5m², đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm T, thị trấn T (ấp T, xã T cũ), huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 đứng tên (chính lý mặt 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/9/2015).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 phải nộp 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) để hoàn trả lại cho Công ty TNHH M.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Ngọc T1 phải nộp 97.952.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Hoàn trả Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 49.707.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0013357 ngày 04/3/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

